

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHÚC YÊN
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2019/HS-ST
Ngày 16 - 4 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHÚC YÊN, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Quốc Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Xuân Thịnh

Bà Lê Thị Hồng Khiên

- Thư ký phiên tòa: Ông Đường Thái Sơn - Thư ký của Tòa án nhân dân thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa:

Ông Lưu Hoàng Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 17/2019/TLST-HS ngày 08 tháng 3 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2019/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 3 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2019/HSST-QĐ ngày 09 tháng 4 năm 2019 đối với bị cáo:

Nguyễn Mạnh T, sinh ngày 29/11/1991 tại huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc. HKTT: Thôn P, xã H, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Duy C (đã chết) và bà Phan Thị L, sinh năm 1964; có vợ và 03 con; Tiền án, tiền sự: không. Bị can bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 25/12/2018 đến nay. Hiện đang tại ngoại tại địa phương “có mặt”.

Bị hại:

Chị Ngô Thị Minh H, sinh năm 1989 “vắng mặt”.

HKTT: Thôn X, phường P, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc.

Chị Trần Thị H1, sinh năm 1976 “vắng mặt”.

HKTT: Số nhà xx, phố B, phường K, quận T, thành phố Hà Nội.

Chị Nguyễn Thị Kim C, sinh năm 1988 “vắng mặt”.

HKTT: Tổ x, phường T, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc

Người làm chứng:

Chị Nguyễn Thị Mai P, sinh năm 1974 “vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Mạnh T là công nhân của bộ phận Quản lý chất lượng, làm việc tại phòng kế hoạch nhà máy ô tô của Công ty H, có địa chỉ tại phường P, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc.

Khoảng 07 giờ 25 phút, ngày 16/10/2018, khi tất cả nhân viên trong phòng của T đi tập thể dục và giao ban, lúc này trong phòng chỉ còn lại một mình. Do thiếu tiền tiêu sài cá nhân nên T nảy sinh ý định trộm cắp tài sản của các bạn đồng nghiệp làm cùng phòng với mình. Quan sát xung quanh thấy không có ai nên T đến bàn làm việc của Chị Ngô Thị Minh H, thấy chị H để 01 chiếc túi xách giả da màu nâu kẻ ô vuông ở trên ghế, túi không đóng, T thò tay phải vào trong túi xách, lấy ra 01 chiếc ví giả da màu nâu, kẻ ô vuông, kéo khóa mở ví lấy số tiền 650.000 đồng cất vào túi áo ngực bên trái của mình rồi để lại chiếc ví vào trong túi xách của chị H như ban đầu. Trộm cắp xong T tiếp tục đến vị trí bàn làm việc của Chị Trần Thị H1, lấy 01 chiếc túi xách giả da màu ghi xám của chị H1 treo để ở dưới gầm bàn, mở khóa lấy ra 01 chiếc ví giả da tối màu (dạng ví gấp) lấy số tiền 1.700.000 đồng cất vào túi áo ngực bên trái của mình rồi gấp ví lại, cho vào trong túi xách, để lại vào vị trí ban đầu.

Khoảng 07 giờ 25 phút ngày 17/10/2018, khi tất cả nhân viên trong văn phòng xuống sân tập thể dục và giao ban đầu giờ theo quy định của công ty, T lại tiếp tục đến vị trí bàn làm việc của Chị Nguyễn Thị Kim C, ở cùng phòng làm việc với mình lấy 01 chiếc túi xách giả da màu xanh rêu của chị C để ở phía dưới gầm bàn, mở túi xách lấy ra 01 chiếc ví giả da màu xanh rêu sau đó lấy 01 tờ tiền 50.000 đồng, rồi cất lại vào vị trí cũ. Khi T vừa lấy được tiền đang cúi xuống để cất túi xách của chị C vào vị trí ban đầu thì bị Chị Nguyễn Thị Mai P là nhân viên làm cùng văn phòng phát hiện hô hoán mọi người đến đưa T đến phòng hành chính làm việc. Tại đây, T đã thừa nhận ngoài hành vi trộm cắp tiền

của chị C ngày 17/10/2018 và ngày 16/10/2018 của chị H và Hằng. Như vậy, tổng số tiền T đã trộm cắp của chị C, chị H và chị H1 là: 650.000đ + 1.700.000đ + 50.000đ = 2.400.000 đồng (*Hai triệu bốn trăm nghìn đồng*).

Ngày 14/12/2018, Nguyễn Mạnh T đã giao nộp cho cơ quan điều tra số tiền 2.400.000 đồng. Ngày 24/12/2018, cơ quan điều tra Công an thành phố Phúc Yên đã trả lại cho chị C số tiền 50.000 đồng; trả lại cho chị H số tiền 650.000 đồng; trả lại cho chị H1 số tiền 1.700.000 đồng. Các chị H1, Huệ và Cúc nhận lại tiền, không có yêu cầu, đề nghị gì về trách nhiệm dân sự và cùng có đơn xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự đối với T.

Tại phiên tòa, người bị hại là chị C, chị H và chị H1 vắng mặt, nhưng trong đơn đề nghị xét xử vắng mặt và những lời khai trước đó chị C, chị H và chị H1 đều khẳng định đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì đối với bị cáo T.

Người làm chứng là Chị Nguyễn Thị Mai P vắng mặt nhưng tại các bản khai trong giai đoạn điều tra đều xác nhận: Vào Khoảng 07 giờ 25 phút ngày 17/10/2018, tại khu vực phòng làm việc của Công ty H, bị cáo Nguyễn Mạnh T có hành vi trộm cắp tài sản của chị C thì bị bắt quả tang cùng vật chứng.

Trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Mạnh T đều thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đã thực hiện ngày 16/10/2018 và ngày 17/10/2018.

Cáo trạng số 15/CT - VKSPY ngày 07 tháng 3 năm 2019, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên đã truy tố Nguyễn Mạnh T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên giữ quyền công tố giữ nguyên quan điểm đã truy tố đối với bị cáo T về tội trộm cắp tài sản và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm điểm b, h, i và s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1, khoản 2 và khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự 2015; đề nghị xử phạt Nguyễn Mạnh T từ 6 tháng đến 9 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 1 năm đến 1 năm 06 tháng và đề nghị không áp dụng khoản 5 Điều 173 để phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo, ngoài ra còn đề nghị bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Bị cáo Nguyễn Mạnh T nhất trí với nội dung Cáo trạng, nội dung luận tội của Viện kiểm sát. Trong lời nói sau cùng, bị cáo T trình bày đã nhận thức được hành vi phạm tội của mình phải chịu trách nhiệm hình sự nên xin được hưởng sự khoan hồng của pháp luật để tu dưỡng bản thân thành người có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về nội dung vụ án: Xét lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án như lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, người làm chứng, biên bản về hành vi trộm cắp của T ngày 17/10/2018, phù hợp với vật chứng thu được. Vì vậy, có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ 07 giờ 25 phút, ngày 16/10/2018 đến 07 giờ 25 phút ngày 17/10/2018, tại văn phòng nhà máy của Công ty H, địa chỉ: phường P, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc, Nguyễn Mạnh T là công nhân của bộ phận quản lý chất lượng, làm việc tại phòng kế hoạch nhà máy ô tô của Công ty H đã có hành vi lén lút chiếm đoạt của Chị Ngô Thị Minh H số tiền 650.000 đồng, của Chị Trần Thị H1 1.700.000 đồng và của Chị Nguyễn Thị Kim C 50.000 đồng. Tổng số tiền T đã chiếm đoạt là 2.400.000 đồng.

Hành vi của bị cáo Nguyễn Mạnh T đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản”, tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015, cụ thể điều luật quy định:

“Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng... thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên tỉnh Vĩnh Phúc truy tố các bị cáo theo cáo trạng số 15/CT - VKSPY ngày 07 tháng 3 năm 2019 là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Xét tính chất vụ án là ít nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an địa phương, văn phòng làm việc. Vì vậy cần phải xử lý nghiêm trước pháp luật mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[3] Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy rằng: Trước khi phạm tội, bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, gây thiệt hại không lớn và đã tự nguyện bồi thường thiệt hại, quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, các bị hại đã có đơn xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự cho bị

cáo nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự 2015. Về tính tiết tăng nặng bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào.

Sau khi xem xét các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo. Hội đồng xét xử nhận thấy bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nơi cư trú ổn định, rõ ràng có đủ điều kiện để áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự 2015. Vì vậy, không cần thiết bắt bị cáo phải chấp hành hình phạt tù giam, cho các bị cáo được hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách và giao các bị cáo cho chính quyền địa phương nơi cư trú để giám sát giáo dục cũng đủ để răn đe, giáo dục chung cũng như tạo điều kiện giúp các bị cáo có cơ hội sửa chữa sai lầm, trở thành công dân có ích cho xã hội.

[4] Về hình phạt bổ sung: Theo Biên bản xác minh của Công an thành phố Phúc Yên ngày 24/01/2019 thì gia đình bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, bố mất sớm, hiện đang ở với mẹ, nuôi 03 con nhỏ nên không cần phải áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền để sung quỹ Nhà nước đối với bị cáo T.

[5] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Phúc Yên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình giải quyết vụ án, bị cáo, bị hại và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp

[6] Về án phí: Cần buộc bị cáo T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1, khoản 2 và khoản 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự 2015

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Mạnh T phạm tội “ Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Mạnh T 07 (bảy) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 14 (mười bốn) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Mạnh T cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện Y, tỉnh

Vĩnh Phúc giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo

Áp dụng Điều 135, Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội buộc bị cáo Nguyễn Mạnh T phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án, thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên;
- CQĐT – Công an thành phố Phúc Yên;
- Cơ quan THA Hình sự Công an thành phố Phúc Yên;
- Sở Tư pháp Vĩnh Phúc;
- Chi cục THA. Dân sự thành phố Phúc Yên;
- UBND xã H, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc;
- Bị cáo; bị hại;
- Lưu Hồ sơ vụ án; VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Quốc Bình